| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 2589/2023/LĐ-ST
Ngày: 25/7/2023
*V/v "Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Hương

2/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLST- LĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3600/2023/QĐXXST-LĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ: khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh B.

Bị đơn: Công ty TNHH Fl A

Địa chỉ: Lô 10-13, 26-37, Đường số A, khu chế xuất L, phường, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông HUANG CHEN-Y

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1994

Địa chỉ: xã Đ, huyện K, tỉnh N

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2022 và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị L trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Tháng 10/2009 đến tháng 12/2010, bà có cho bà Phạm Thị Y mượn chứng minh nhân dân của mang số 1643307XX do Công an tỉnh Ninh B cấp để ký hợp đồng lao động thời hạn 12 tháng với Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A và

tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm xã hội là 79093538XX mang tên Trần Thị L. Lý do bà Phạm Thị Y mượn chứng minh nhân dân của bà là do bà Phạm Thị Y chưa đủ 18 tuổi để có thể trực tiếp ký hợp đồng lao động. Công việc của bà Phạm Thị Y khi đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A là công nhân may giày. Bà Phạm Thị Y chỉ đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A trong thời gian 14 tháng từ tháng 10/2009 và tháng 12/2010, sau đó bà Yến đã nghỉ việc. Hiện nay bà không cung cấp được hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị L và Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A do đã bị thất lạc.

Tuy nhiên, trong thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 02/2011, bà đang đi làm tại Công ty TNHH may mặc KH và tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 79102471XX, vị trí công nhân may.

Ngày 07/9/2022, bà Trần Thị L đã gửi đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức. Tuy nhiên, quá thời hạn 05 ngày làm việc theo quy định của pháp luật nhưng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức không tiến hành hòa giải.

Tại đơn khởi kiện, bà Trần Thị L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị L và Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A là vô hiệu do bà Phạm Thị Y là người trực tiếp lao động. Tuy nhiên, thông tin ký hợp đồng lao động mang tên Trần Thị L nên nay bà Trần Thị L xác định lại yêu cầu khởi kiện cho chính xác là yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị L và Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

Ngoài ra, bà Trần Thị L không có yêu cầu gì khác, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Về án phí lao động sơ thẩm, bà Trần Thị L tự nguyện nộp.

* Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Y trình bày:

Tháng 10/2009 đến tháng 12/2010, bà có mượn chứng minh nhân dân của bà Trần Thị L để đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A và tham gia bảo hiểm xã hội mang tên Trần Thị L. Do bà chưa đủ 18 tuổi để giao kết hợp đồng lao động nên bà đã mượn chứng minh dân dân của bà Trần Thị L. Hiện nay bà không cung cấp được hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị L và Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A do đã bị thất lạc. Nay bà đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị L, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị L và Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A là vô hiệu. Do bà bận công việc không tham gia tố tụng được nên yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Phạm Thị Y khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên căn cứ khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A có trụ sở tại phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Phạm Thị Y có đơn yêu cầu vắng mặt, Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về thủ tục hòa giải trước khi khởi kiện: Ngày 07/9/2022, bà Trần Thị L đã nộp đơn yêu cầu hòa giải đến phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức để yêu cầu hòa giải nhưng quá hạn 05 ngày làm việc vụ việc không được tiến hành hòa giải cơ sở nên căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 188 Bộ luật lao động năm 2019 bà Yến có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về việc lựa chọn Bộ luật lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong giai đoạn từ tháng 10/2009 đến tháng 12/2010 nên Bộ luật lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007)

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án không áp dụng thời hiệu.

[6] Về hợp đồng lao động: Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị L do bà Phạm Thị Y là người trực tiếp lao động và Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A là vô hiệu. Tuy nhiên, bà Trần Thị L và bà Phạm Thị Y không cung cấp được hợp đồng lao động này do đã bị thất lạc. Trong khi đó, bị đơn không đến Tòa nên không cung cấp lời khai và chứng cứ. Căn cứ vào văn bản số 3281/BHXH - TST ngày 10/7/2023 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Trần Thị L có tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian tháng 10/2009 đến tháng 12/2010 tại

Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A  nên có căn cứ xác định giữa bà Trần Thị L và Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A  có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng 12 tháng từ tháng 10/2009 đến tháng 12/2010.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ văn bản số 3281/BHXH - TST ngày 10/7/2023 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Trần Thị L có tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian tháng 10/2009 đến tháng 12/2010 với số sổ bảo hiểm là 79093538XX tại Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A

Căn cứ văn bản số 3281/BHXH - TST ngày 10/7/20 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh xác định trong thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2011, bà Trần Thị L có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 79102471XX tại Công ty TNHH may mặc KH.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian tháng 10/2009 đến tháng 01/2011 bà Trần Thị L cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A  và Công ty TNHH may mặc KH. Bị đơn không có ý kiến, trong khi bà Phạm Thị Y, bà Trần Thị L cùng thống nhất ý kiến trong khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2011 bà Trần Thị L đi làm tại Công ty TNHH may mặc KH và bà Phạm Thị Y mượn chứng minh nhân dân của bà Trần Thị L để giao kết hợp đồng và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A  nên có cơ sở xác định bà Trần Thị L không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A . Do đó, việc bà Phạm Thị Y ký hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A  nhưng với tên bà Trần Thị L là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007) nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị L và Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A  là không có hiệu lực. Do đó, nay bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị L và Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A  trong khoảng thời gian tháng 10/2009 đến tháng 12/2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Phạm Thị Y trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên bà Trần Thị L là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, bà Trần Thị L không yêu cầu nên không giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đ tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Trần Thị L tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm 300.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 2, khoản 7 Điều 188; Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L:

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị L và Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A  trong khoảng thời gian tháng 10/2009 đến tháng 12/2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Phạm Thị Y trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên Trần Thị L.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: bà Trần Thị L không yêu cầu nên không giải quyết.

2/ Án phí lao động sơ thẩm: Bà Trần Thị L tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006347 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Bà Trần Thị L đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L, Công ty trách nhiệm hữu hạn F1 A , bà Phạm Thị Y vắng mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ánh Nguyệt**